

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/DS-PT

Ngày 21-11-2017

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Nhung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Thư ký Tòa án: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 25/2017/TLPT-TC ngày 03/10/2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của TAND huyện Bố Trạch bị bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 952/2017/QĐ-PT ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ N, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1965.

Hiện cùng trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961.

Hiện cùng trú tại: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bà N có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản ủy quyền cho bà N đại diện tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2017.

-*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N - Bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch thì nội dung vụ án như sau:

* Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ N và bà Phạm Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng anh em, ngày 06/8/2015 vợ chồng ông Võ N và bà Phạm Thị H có cho vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 28/10/2016 ông T và bà N vay tiếp của ông N, bà H số tiền 60.000.000đ, tổng cộng vay hai đợt là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không tính lãi suất, hai bên thống nhất lúc nào ông N, bà H cần sử dụng tiền thì ông T, bà N sẽ trả lại.

Quá trình vay, vợ chồng bà N đã nhiều lần trả cho ông N, bà H với tổng số tiền trả là 97.273.000 đồng. Bao gồm: trả thay cho ông N, bà H tại Ngân hàng BIDV Quảng Bình số tiền 8.648.000 đồng (BL 78 đến 79); trả tại Ngân hàng Sacombank Quảng Bình số tiền 52.579.000 đồng (BL 64 đến 77); tại Ngân hàng VPBank số tiền 14.046.000 đồng (BL 81 - 82); tại ông Nguyễn Ngọc C (ở thôn 7, xã L, huyện B) số tiền 22.000.000 đồng (BL 80). Như vậy, số tiền mà ông T, bà N còn nợ của ông N, bà H là 62.727.000 đồng nhưng không chấp nhận thanh toán nên ông N bà H đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N thanh toán hết số nợ còn lại.

Phía bị đơn, bà Nguyễn Thị N đại diện trình bày: Bà thống nhất về tổng số tiền vợ chồng bà đã vay của ông N, bà H là 160.000.000 đồng, việc vay không tính lãi suất và khi nào bên vay cần tiền thì sẽ trả lại. Tuy nhiên, bà N cho rằng ngoài số tiền vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng bà H qua các Ngân hàng và qua ông Nguyễn Ngọc C là 97.273.000 đồng, bà N còn trực tiếp trả tiền mặt cho ông N, bà H với số tiền 59.300.000 đồng. Theo đó, số tiền mà vợ chồng bà đã trả cho ông N, bà H là 156.573.000 đồng, chỉ còn nợ lại 3.427.000 đồng chứ không phải là 62.727.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định:

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ N, bà Phạm Thị H.

Xử: Buộc ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị N phải trả nợ cho ông Võ N, bà Phạm Thị H số tiền 62.727.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 11/8/2017 của TAND huyện Bố Trạch vì cho rằng vợ chồng bà đã thanh toán hết số nợ 160.000.000 đồng đã vay của ông N, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Do mối quan hệ anh em họ hàng nên giữa vợ chồng ông N, bà H và vợ chồng ông T, bà N phát sinh quan hệ vay mượn tiền. Cả hai bên đều thống nhất về số tiền vay là 160.000.000 đồng, vay không có lãi và sẽ thanh toán khi nào bên cho vay có nhu cầu. Trong quá trình vay mượn bà N đã trả cho ông N, bà T số tiền 97.273.000 đồng đã được cấp sơ thẩm chấp nhận, về phía bà N cho rằng mình đã trả hết số tiền 160.000.000 đồng, nên đã kháng cáo.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N như đã nêu trên, Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình vay mượn thì bị đơn có xuất trình các tài liệu chứng cứ, gồm các giấy nộp tiền vào tài khoản của ông N, bà T tại các Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng VPBank, Ngân hàng BIDV, Giấy xác nhận của anh Nguyễn Ngọc C ngày 23/3/2017, với tổng số tiền là 97.273.000 đồng. Số tiền còn lại theo bị đơn bà N trình bày mình phải trả hàng tháng 6.000.000 đồng theo hình thức ba tháng một lần có khi hai tháng một lần cho ông N, bà T nhưng vì tin tưởng anh em nên không viết giấy ký nhận, với lập luận này mà bà N đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm để cho rằng mình đã trả cho ông N bà T hết số tiền nợ nhưng ông N bà T không thừa nhận. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bà N. Án sơ thẩm đã đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các bên xuất trình, nên chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông N bà T với khoản tiền mà bị đơn bà N đã thanh toán là 97.273.000 đồng, số nợ còn lại 62.727.000 đồng buộc bị đơn bà N phải thanh toán là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không chứng minh được, không có tài liệu, chứng cứ gì bổ sung cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ; Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và khoản 4 điều 91, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ N và bà Phạm Thị H, xử: Buộc ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị N phải trả nợ cho ông Võ N, bà Phạm Thị H số tiền 62.727.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.136.000 đồng (Ba triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ N, bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai số 0001949 ngày 13/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002600 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình (P 9);
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- TAND huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Thị Kim Nhung